

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2020/DS-ST
Ngày 11-9-2020
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 227/2020/TLST-DS ngày 09 tháng 6 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2020/QĐST-DS, ngày 18 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T; địa chỉ: Số 266-268, Phường 8, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 431 Đ, Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Là người đại diện theo ủy quyền (giấy ủy quyền ngày 15/5/2020). Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Trương Thị T, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 322/28, Đ, Tổ 2, Khu phố 1, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 29/7/2015, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Bình Dương và bà Trương Thị T ký kết hợp đồng tín dụng số LD 1521000312 ngày 29/7/2015. Nội dung hợp đồng bà Trương Thị T vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Bình Dương số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, lãi suất thỏa thuận 0.7%/tháng, mục đích vay tiêu dùng. Theo thỏa thuận bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm gốc và lãi suất là 66.800.00 đồng; gốc và lãi được chia thành nhiều kỳ trả nợ, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 31/8/2015, các kỳ trả nợ tiếp theo vào cuối mỗi tháng, số tiền trả mỗi kỳ là 1.391.000 đồng, số tiền trả kỳ cuối 1.423.000 đồng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Đến ngày 31/5/2017 bà Trương Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, theo nội dung đã thuận trong hợp đồng tín dụng nêu trên đã chuyển sang nợ quá hạn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Bình Dương đã nhiều lần trao đổi liên hệ tạo điều kiện cho bà Trương Thị T thanh toán nợ nhưng đến nay bà T vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tạm tính đến thời điểm ngày 15/5/2020 bà Trương Thị T còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T – Chi nhánh Bình Dương tiền gốc và lãi là:

Nợ gốc: 28.139.000 đồng

Lãi trong hạn: 12.600.000 đồng

Lãi quá hạn: 6.300.000 đồng

Tổng cộng: 47.039.000 đồng.

Do bà Trương Thị T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Thị T thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 08/9/2020, bao gồm các khoản tiền sau:

Nợ gốc: 28.139.000 đồng

Lãi trong hạn: 13.650.000 đồng

Lãi quá hạn: 6.825.000 đồng

Tổng cộng: 48.614.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Trương Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T là 48.614.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ.

Kèm theo đơn khởi kiện nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Điều lệ ngân hàng; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (bản photo); Chứng minh dân dân, sổ hộ khẩu của bà Trương Thị T (bản photo); Hợp đồng tín dụng (bản photo); Phiếu chuyển khoản; Giấy lĩnh tiền; Sổ phụ tài khoản tiền vay; Thông báo thu hồi nợ (bản photo).

2. Bị đơn bà Trương Thị T đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của bà Trương Thị T.

Bị đơn không giao nộp tài liệu chứng cứ.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền lãi suất, cụ thể như sau: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu bà Trương Thị T phải thanh toán khoản nợ vay gồm gốc và lãi suất tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 08/9/2020, bao gồm các khoản tiền sau:

Nợ gốc: 28.139.000 đồng

Lãi trong hạn: 13.650.000 đồng

Lãi quá hạn: 6.825.000 đồng

Tổng cộng: 48.614.000 đồng.

Tổng cộng số tiền bà Trương Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T là 48.614.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Trương Thị T vắng mặt không có lý do.

- Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật: Ngày 19 tháng 5 năm 2020, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T có đơn khởi kiện yêu cầu bà Trương Thị T phải trả số tiền vay và lãi suất theo hợp đồng tín dụng nên đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[1.2]. Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T khởi kiện về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bà Trương Thị T, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại thời điểm thụ lý, bị đơn bà Trương Thị T đang cư trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự:

Tại phiên tòa bị đơn bà Trương Thị T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[1.4]. Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất, cụ thể: Yêu cầu bà Trương Thị T phải trả lãi suất tính đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 08/9/2020 với số tiền lãi trong hạn: 13.650.000 đồng; lãi quá hạn: 6.825.000 đồng.

Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu. Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày **29/7/2015**, bà Trương Thị T xác lập hợp đồng tín dụng theo Hợp đồng tín dụng số LD 1521000312 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Bà Trương Thị T đã nhận đủ số tiền vay 50.000.000 đồng vào ngày 29/7/2015.

Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên đương sự có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, hợp đồng phát sinh hiệu lực đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trương Thị T đã thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T 22 lần, với số tiền gốc và lãi đã trả là 29.243.000 đồng (trong đó tiền gốc đã trả là 21.861.000 đồng và lãi là 7.382.000 đồng). Kể từ ngày 31/5/2017 đến nay, bà Trương Thị T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T. Do bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T có đơn khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho bà Trương Thị T nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến, phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T đã thực hiện việc giải ngân số tiền vay cho bà Trương Thị T là 50.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền nợ gốc và lãi mà bà T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T từ ngày 31/8/2015 đến ngày 29/7/2019 là 66.800.000 đồng, nhưng bà T mới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền 29.243.000 đồng (trong đó có 21.861.000 đồng tiền nợ gốc). Do đó Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T yêu cầu bà Trương Thị T phải thanh toán số tiền còn nợ gồm nợ gốc: 28.139.000 đồng và nợ lãi: 20.475.000 đồng, tổng cộng là 48.614.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa

thuận trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T đối với bị đơn bà Trương Thị T về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[3]. Tại phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí đối với số tiền nguyên đơn được chấp nhận là 48.614.000 đồng, tương đương án phí là 2.430.700 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 244, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Trương Thị T.

Buộc bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền 48.614.000 đồng (bốn mươi tám triệu sáu trăm mười bốn nghìn đồng), gồm nợ gốc: 28.139.000 đồng (hai mươi tám triệu một trăm ba mươi chín nghìn đồng), nợ lãi trong hạn: 13.650.000 đồng (mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và nợ lãi quá hạn là 6.825.000 đồng (sáu triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Trương Thị T có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/9/2020 trở đi theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LD1521000312 ngày 29/7/2015 ký kết giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T- Chi nhánh Bình Dương và bà Trương Thị T cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị T phải chịu án phí là 2.430.700 đồng (hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn bảy trăm đồng).

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương T số tiền 1.176.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0041934, ngày 01/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Minh Nga

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Nga